

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐOAN HÙNG  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/4/2024

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Vũ Thường

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Trí Dũng

2. Ông Nguyễn Đức Cường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Lan – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Tiến Thành - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2024/TLST-HNGĐ, ngày 21/3/2024, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXX-ST ngày 01/4/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Quốc T, sinh năm 1992

Nơi cư trú: Khu T, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ

- *Bị đơn:* Chị Đào Thị Hồng N, sinh năm 1995

Nơi cư trú: Khu 05, xã Ngọc Quan, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ

Anh Tuấn có đơn xin xét xử vắng mặt, chị N vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là anh Trần Quốc T trình bày:

Anh và chị Đào Thị Hồng N đăng ký kết hôn ngày 15/10/2019 tại UBND xã H, thị xã P, trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn chị N về chung sống cùng gia đình nhà anh, được một thời gian thì vợ chồng thuê nhà ra ở riêng. Quá trình chung sống do không có con chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay anh và chị N đã sống ly thân không quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N.

- Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung: Anh T1 xác nhận không có.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn là chị Đào Thị Hồng N đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không có mặt. Quá trình làm việc với mẹ đẻ chị N là bà Nguyễn Thị H xác nhận: Anh T1 và chị N có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã H, thị xã P. Do không có con chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Bà H cũng xác nhận việc anh T1 xin ly hôn chị N có biết và nhất trí. Các văn bản tố tụng của Tòa án gửi, bà H đều nhận và thông báo cho chị N, chị N biết nhưng đều vắng mặt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Quốc T và chị Đào Thị Hồng N.

- Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung: Anh T1 xác nhận không có nên không phải giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Quốc T phải nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn là anh Trần Quốc T cư trú tại thị xã P, tỉnh Phú Thọ khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là chị Đào Thị Hồng N cư trú tại huyện Đ, tỉnh Phú Thọ nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh T1 tuy vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Đào Thị Hồng N đã được Tòa án triệu tập phiên tòa họp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quốc T và chị Đào Thị Hồng N đăng ký kết hôn ngày 15/10/2019 tại UBND xã H, thị xã P trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện, đây là một hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do không có con chung. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy mục đích xây dựng một gia đình hạnh phúc, bền vững giữa anh T và chị N không đạt được. Do vậy việc anh T xin ly hôn chị N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[2.2]. Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung: Anh T1 xác nhận không có nên không phải giải quyết.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh T1 phải nộp theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Quốc T và chị Đào Thị Hồng N.

2. Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung: Không phải giải quyết.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Quốc T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền anh T phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai số: 0002156 ngày 21/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Anh T1 đã nộp đủ án phí.

Anh Trần Quốc T và chị Đào Thị Hồng N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;
- UBND xã Hà Thạch;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Lê Vũ Thường**